TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 09/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tâm
2. Ông Nguyễn Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 39/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn S; Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 11/02/1977; Nơi đăng ký HKTT và Chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 03/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông Dương Văn P, sinh năm 1958, con bà Nông Thị C, sinh năm 1957; Vợ: Đường Thị K, sinh năm 1972; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1998 và con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 10 tháng 02 năm 2022 đến nay (Bị cáo có mặt).

2. Nông Văn M; Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 29/12/1979 tại xã C, huyện T, tỉnh B; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông Nông Văn U (Đã chết) và bà Nông Thị A (Đã chết); Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2004 và con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, Tiền sự: Không có.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 11 tháng 02 năm 2022 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho các bị cáo Dương Văn S và Nông Văn M:* Ông Nông Văn Y, sinh năm 1984 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

* *Bị hại:* Nông Thị H, sinh năm 1985; Nơi cư trú: xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Nông Văn T, sinh năm 1974; Nơi cư trú: xóm G, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người làm chứng:*

- Nông Thị C1, sinh năm 2004; Nơi cư trú: xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

- Nông Thị C2, sinh năm 1979; Nơi cư trú: xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

- Nông Văn C3, sinh năm 1993; Nơi cư trú: xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

- Hoàng Văn C4, sinh năm 1987; Nơi cư trú: xóm NH, xã NK, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

- Hoàng Văn C5, sinh năm 1994; Nơi cư trú: xóm BN, xã ĐP, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

- Hoàng Văn C6, sinh năm 1977; Nơi cư trú: xóm AH, xã NK, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/02/2022, Công an xã C, huyện T tiếp nhận tin tố giác của Nông Thị C1, sinh năm 2004, trú tại xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng về việc gia đình bị mất 02 (hai) con ngựa (01 con cái đã trưởng thành; 01 con ngựa con chưa trưởng thành).

Ngày 10/02/2022, Công an xã NK, huyện T tiếp nhận tin báo của chị Nông Thị C2, sinh năm 1979, trú tại xóm BL, xã C, huyện T về việc đã tìm thấy hai con ngựa của gia đình cháu Nông Thị C1 tại nhà anh Hoàng Văn C4, sinh năm 1978, trú tại xóm NH, xã NK, huyện T.

Cơ quan chức năng đã tiến hành tạm giữ hai con ngựa, một điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, một xe moto ba bánh đối với Nông Văn T, sinh năm 1974, trú tại xóm LG, xã C, huyện T để điều tra làm rõ. Quá trình điều tra, xác định hai con ngựa là của Dương Văn S nhờ T chở đến bán cho Hoàng Văn C4, sinh năm 1978, trú tại xóm NH, xã NK, huyện T. Tiến hành cân xác định hai

con ngựa có tổng khối lượng 202kg (Ngựa đã trưởng thành có khối lượng 165,5kg và ngựa con có khối lượng 36,5kg).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh triệu tập Dương Văn S, sinh năm 1977 và Nông Văn M, sinh năm 1979, đều trú tại xóm N, xã C, huyện T đến cơ quan điều tra làm rõ. Tại cơ quan điều tra, Dương Văn S và Nông Văn M khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 06/02/2022, M đến nha S chơi. Do biết hai vợ chồng anh Nông Văn Q và chị Nông Thị H, sinh năm 1985, nhà ngay sát nhà M đi làm ăn xa, chỉ có hai con nhỏ ở nhà nên S rủ M trộm ngựa của anh Q chị H, hẹn nhau đến 00 giờ ngày 07/02/2022 thì bắt đầu thực hiện.

Khoảng 23 giờ ngày 07/02/2022, S mang theo một đèn pin và một dây thừng đến nhà M. Đến 0 giờ ngày 07/02/2022, M gặp S, cả hai tiếp tục bàn bạc trộm ngựa. Sau khi bàn bạc xong, M vào nhà lấy một đèn pin, S đi vòng qua đằng sau chuồng ngựa, chui vào chuồng ngựa theo ô cửa dùng để đưa thức ăn vào chuồng, buộc dây thừng thòng lọng vào cổ kéo con ngựa cái ra khỏi chuồng theo ô cửa thức ăn nhưng con ngựa không đi. M đứng ở cửa chính cầm cái cây quất vào mông ngựa thì con ngựa cái mới đi ra khỏi chuồng. Con ngựa con cũng đi theo. S dắt ngựa đến buộc tại đám rẫy cách nhà S khoảng 200 mét.

Đến 18 giờ ngày 08/02/2022, S dắt ngựa đến nhà Nông Văn T, sinh năm 1974, trú tại xóm LG, xã C, huyện T nhờ chăm sóc và tìm người bán giúp. Ngày 09/02/2022, S liên lạc với Hoàng Văn C4, sinh năm 1978 trú tại xóm NH, xã NK, huyện T. Hai bên thống nhất bán hai con ngựa với giá 23.000.000 đồng. 13 giờ ngày 10/02/2022 Nông Văn T chở hai con ngựa bằng xe mô tô ba bánh đến nhà anh C4 thì bị phát hiện.

Ngày 14/02/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trùng Khánh định giá tài sản. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng kết luận định giá tài sản số 11 ngày 21/02/2022, kết luận: Hai con ngựa tại thời điểm ngày 06/02/2022 có trị giá 24.240.000 đồng.

Cáo trạng số 44/CT - VKSTK ngày 20 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố các bị cáo Dương Văn S và Nông Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình. Do không có tiền mua ma túy sử dụng nên đã có hành vi trộm cắp tài sản như Cáo trạng truy tố, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Nông Thị H khai: Sáng ngày 07/02/2022 gia đình chị phát hiện mất trộm 02 con ngựa (giá trị ước tính khoảng 25.000.000 đồng). Sau khi phát hiện bị mất trộm, con gái chị là Nông Thị C1 đã đến Cơ quan Công an trình báo. Chị đồng ý với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá. Chị đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, chị đề nghị hai bị cáo S và M phải trả các chi phí đi tìm ngựa, chi phí vận chuyển ngựa từ nơi phát hiện

ngựa bị bán về đến nhà với số tiền cụ thể như sau: 3.800.000đ tiền công nhờ người đi tìm nhựa 4 ngày (07-10/02/2022), 3.000.000đ biếu người tìm thấy ngựa, tiền thuê chở ngựa từ nơi tìm thấy về nhà 1.000.000đ. Tổng số tiền yêu cầu là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Văn T khai: Anh là người chăn nuôi và chở ngựa đi bán giúp để lấy tiền công, anh chỉ quen biết Dương Văn S và không biết nguồn gốc con ngựa mà S gửi là tài sản do trộm cắp mà có. Anh yêu cầu các bị cáo S phải trả 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) là chi phí chăm sóc và tiền công vận chuyển hai con ngựa. Đối với 01 điện thoại yêu cầu được trả lại. Đối với chiếc xe moto ba bánh do là xe nhập lậu từ Trung Quốc nên không có ý kiến gì.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người làm chứng Nông Thị C1 khai: Chị là con gái của bà Nông Thị H. Nhà chị phát hiện bị mất trộm hai con ngựa (Một con ngựa mẹ và một con ngựa con) được nhốt tại chuồng của gia đình chị. Chị là người trực tiếp báo Công an. Hiện nay gia đình chị đã nhận lại hai con ngựa.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người làm chứng Hoàng Văn C1 khai: Anh được S giới thiệu bán hai con ngựa, sau khi thỏa thuận thống nhất trả giá 23.000.000 đồng nhưng anh chưa trả số tiền này cho S. S nói với anh là ngựa mua từ huyện HL, anh không biết hai con ngựa S bán là do trộm cắp mà có. Anh cam đoan lời khai đúng sự thật. Anh không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người làm chứng Nông Thị C2 khai: Chị là bá ruột của Nông Thị C1. Ngày 07/02/2022 chị nhận được điện thoại của C1 gọi điện báo mất hai con ngựa, một con mẹ màu đen nhạt và một con ngựa con màu vàng nhạt, chị có được đi tìm cùng. Chị không biết rõ thời gian bị mất trộm và cũng không nghi ngờ ai.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người làm chứng Nông Văn C3 khai: Anh là em trai ruột của chị Nông Thị H. Chị H có gọi điện cho đi tìm ngựa giúp do vợ chồng chị H không ở nhà. Anh sang các huyện HL, QH tìm tại các chợ trâu bò ngựa. Anh được chị H gửi chi phí tìm ngựa (tiền xăng và tiền ăn) trong vài ngày đi tìm khoảng 500.000 đồng. Anh không biết cụ thể chị H phải trả bao nhiêu tiền cho việc tìm ngựa, chỉ biết là chị H đã trả số tiền 1.000.000 đồng tiền xe vận chuyển từ nơi phát hiện ngựa về đến nhà.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người làm chứng Hoàng Văn C5 khai: Anh là cháu rể của Nông Thị H, anh hay đi bán gia súc nên quen biết nhiều người. Nghe tin nhà chị H bị mất trộm hai con ngựa anh đã giúp đi tìm ở nhiều nơi. Khi biết anh T có ngựa bán anh đã đi nhà anh T xem và thấy đặc điểm giống hai con ngựa nhà chị H bị mất trộm nên đã đi theo anh T đến nhà anh C1. Đến nơi chị C2 đã báo Công an xã NK xuống nhà anh C4 làm việc. Sau khi tìm thấy ngựa chị H có đến nhà anh cảm ơn và tặng số tiền 3.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người làm chứng Hoàng Văn C6 khai: Anh có xe tải nhỏ và nhận chở thuê. Ngày 10/02/2022 anh được thuê vận chuyển hai con ngựa từ xã NK về xóm N, xã C với số tiền 1.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền này.Việc trả tiền có biên bản giao nhận và ký nhận.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51và Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bị cáo Dương Văn S về tội Trộm cắp tài sản, khung hình phạt từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 10/02/2022;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51và Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bị cáo Nông Văn M về tội Trộm cắp tài sản, khung hình phạt từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 11/02/2022.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu, bị hại yêu cầu bồi thường chi phí tìm ngựa và chi phí vận chuyển ngựa từ nơi phát hiện về đến nhà với số tiền là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T yêu cầu trả tiền công chăm sóc ngựa và chi phí vận chuyển ngựa đi tiêu thụ là 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa giữa các bị cáo với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận và bồi thường cho nhau số tiền tại phiên tòa. Đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về vật chứng:

- 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: "Vật chứng (đèn pin, dây thừng) vụ án: Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 06/02/2022 tại N - C – T – Cao Bằng". Cần tịch thu tiêu hủy vì liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: "01 (một) điện thoại di động của bị can Dương Văn S, tạm giữ ngày 10/02/2022". Cần tịch thu để sung công quỹ nhà nước vì liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: "01 (một) điện thoại di động của bị can Nông Văn M, tạm giữ ngày 11/02/2022". Cần tịch thu để sung công quỹ nhà nước vì liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: "01 (một) điện thoại di động của Nông Văn T, tạm giữ ngày 10/3/2022". Cần trả lại cho anh Nông Văn T vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Mặt sau các phong bì niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia biên bản và đóng dấu hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- 01 (Một) Xe ba bánh có gắn động cơ xăng, có thùng chở hàng phía sau, xe không có biển kiểm soát, không có giấy tờ, không có nhãn hiệu, nghi xe có xuất xứ từ Trung Quốc. Xe đã được niêm phong bằng giấy niêm phong, có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh. Cần tịch thu để sung công quỹ nhà nước vì không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của xe.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm mất tài sản, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng 0 giờ ngày 07/02/2022 Dương Văn S và Nông Văn M đều trú tại xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng có hành vi lấy trộm hai con ngựa có trị giá 24.240.000 đồng của chị Nông Thị H là người cùng xóm. Mục đích lấy trộm ngựa đem bán lấy tiền mua ma túy sử dụng cho bản thân.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lén lút trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000đ. Do đó, hành vi của các bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì

vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố và đề nghị mức án đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội là đồng phạm giản đơn với vai trò đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên xét về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi đối với các bị cáo là khác nhau, cụ thể: Bị cáo S là người thực hiện hành vi tích cực hơn bị cáo M. S là người đã chủ động đem ngựa đi cho người khác chăm sóc nhằm để che giấu hành vi phạm tội và cũng là người trực tiếp tìm nơi tiêu thụ. Nên khi áp dụng mức hình phạt cũng cần phải xem xét đến tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo mà đưa ra mức án tương xứng với hành vi phạm tội do các bị cáo đã gây ra.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Dương Văn S và Nông Văn M thành khẩn khai báo về hành vi của mình và phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tại phiên tòa các bị cáo đã tác động người thân trong gia đình khắc phục được việc bồi thường thiệt hại đã gây ra nên được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Ngoài ra các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người sử dụng ma túy là chất Nhà nước ta cấm lưu hành dưới mọi hình thức, mục đích trộm cắp cũng để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, thể hiện các bị cáo là người có nhân thân xấu.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Từ những phân tích trên, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và gia đình, đồng thời cũng nhằm mục đích để phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã trả lại tài sản bị mất trộm (hai con ngựa) cho chủ sở hữu là chị Nông Thị H. Việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh là đúng quy định của pháp luật.

Đối với:

- 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Vật chứng (đèn pin, dây thừng) vụ án: Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 06/02/2022 tại N - C – T – Cao Bằng”. Cần tịch thu tiêu hủy vì liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: "01 (một) điện thoại di động của bị can Dương Văn S, tạm giữ ngày 10/02/2022". Cần tịch thu để sung công quỹ nhà nước vì liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: "01 (một) điện thoại di động của bị can Nông Văn M, tạm giữ ngày 11/02/2022". Cần tịch thu để sung công quỹ nhà nước vì liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: "01 (một) điện thoại di động của Nông Văn T, tạm giữ ngày 10/3/2022". Cần trả lại cho anh Nông Văn T vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Mặt sau các phong bì niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia biên bản và đóng dấu hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- 01 (Một) Xe ba bánh có gắn động cơ xăng, có thùng chở hàng phía sau, xe không có biển kiểm soát, không có giấy tờ, không có nhãn hiệu, nghi xe có xuất xứ từ Trung Quốc. Xe đã được niêm phong bằng giấy niêm phong, có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh. Cần tịch thu để sung công quỹ nhà nước vì quá trình điều tra và tại phiên tòa anh Nông Văn T không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của xe và nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về việc đề nghị xử lý tang vật chứng.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại.

Tại phiên tòa các bị cáo với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại, đồng thời các bị cáo cũng đã tác động người thân giao nhận số tiền phải bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngay tại phiên tòa. Và không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Văn S và Nông Văn M.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn S và Nông Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Dương Văn S 15 (mười năm) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 10/02/2022.

- Xử phạt bị cáo Nông Văn M 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 11/02/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại, đồng thời các bị cáo cũng đã tác động người thân giao nhận số tiền phải bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngay tại phiên tòa. Và không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau vì liên quan đến hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng:

- 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: "Vật chứng (đèn pin, dây thừng) vụ án: Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 06/02/2022 tại N - C - T - Cao Bằng";

Tịch thu sung công quỹ nhà nước các vật chứng sau:

- 01 (một) điện thoại di động được đựng trong 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: "01 (một) điện thoại di động của bị can Nông Văn M, tạm giữ ngày 11/02/2022";

- 01 (một) điện thoại di động được đựng trong 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: "01 (một) điện thoại di động của bị can Dương Văn S, tạm giữ ngày 10/02/2022";

Mặt sau các phong bì niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia biên bản và đóng dấu hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (Một) xe ba bánh có gắn động cơ xăng, có thùng chở hàng phía sau, xe không có biển kiểm soát, không có giấy tờ, không có nhãn hiệu, nghi xe có xuất xứ từ Trung Quốc. Xe đã được niêm phong bằng giấy niêm phong, có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh.

Hoàn trả cho chủ sở hữu hợp pháp Nông Văn T 01 (một) điện thoại di động được đựng trong 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: "01 (một) điện thoại di động của Nông Văn T, tạm giữ ngày 10/3/2022"; Mặt sau phong bì niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia biên bản và đóng dấu hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận toàn bộ vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận ngày 29 tháng 4 năm 2022.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội

Buộc các bị cáo Dương Văn S và Nông Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh; VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã C (bằng TB);
- Các bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NÔNG QUỐC HÙNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

… **NÔNG QUỐC HÙNG**